

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

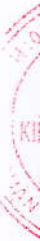
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01,
TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Châu Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Thum	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Số: 18.113/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp cho năm tài chính kết thúc ngày 10 tháng 11 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó tại ngày 20 tháng 03 năm 2017.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 11/11/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		440.742.522.740	421.870.705.898
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.062.412.086	10.370.768.240
1. Tiền	111	4.1	3.062.412.086	10.370.768.240
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		253.500.000.000	220.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	253.500.000.000	220.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.035.790.953	96.149.972.878
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	30.311.342.420	39.903.831.759
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	10.863.409.176	7.401.818.706
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	68.680.676.883	48.844.322.413
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.819.637.526)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	73.645.801.476	92.619.484.975
1. Hàng tồn kho	141		73.680.031.723	92.619.484.975
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.230.247)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.498.518.225	2.230.479.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.498.518.225	1.857.006.524
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	373.473.281
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.284.223.301	141.296.852.211
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.820.758.491	1.812.146.841
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	4.630.214.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.190.544.491	1.812.146.841
II. Tài sản cố định	220		135.270.598.025	120.386.409.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	109.776.375.536	117.760.038.834
Nguyên giá	222		274.582.054.212	272.674.208.891
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(164.805.678.676)	(154.914.170.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	22.898.352.089	-
Nguyên giá	225		25.959.244.055	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.060.891.966)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	2.595.870.400	2.626.370.968
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.390.733.930)	(2.360.233.362)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		840.803.337	404.586.325
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	840.803.337	404.586.325
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	11.664.838.971	11.664.838.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.664.838.971	11.664.838.971
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.192.413.670)	(3.192.413.670)
V. Tài sản dài hạn khác	260		35.687.224.477	7.028.870.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	35.687.224.477	7.028.870.272
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		631.026.746.041	563.167.558.109

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 11/11/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		221.412.521.613	177.167.558.109
I. Nợ ngắn hạn	310		120.345.908.437	133.680.761.980
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	11.556.265.823	12.899.490.212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	29.937.470.324	28.737.148.036
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	16.536.202.361	20.696.660.953
4. Phải trả người lao động	314	4.15	36.179.015.155	39.527.492.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	274.996.000	5.355.586.507
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	9.122.245.781	13.958.206.034
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	15.500.000.000	12.506.177.552
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.239.712.993	-
II. Nợ dài hạn	330		101.066.613.176	43.486.796.129
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	40.107.369.121	40.895.436.823
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	2.591.359.306
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	60.959.244.055	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		409.614.224.428	386.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	409.614.224.428	386.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.410.861.785	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.203.362.643	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.203.362.643	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		631.026.746.041	563.167.558.109



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Cúc
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	255.160.631.598	212.312.974.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		45.247.272	306.127.595
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		255.115.384.326	212.006.847.121
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	189.284.836.825	155.193.659.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.830.547.501	56.813.187.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	9.195.045.060	3.853.298.140
7. Chi phí tài chính	22		1.734.688.102	(644.002.857)
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.734.688.102	163.535.159
8. Chi phí bán hàng	25	4.24	16.057.070.591	15.277.154.955
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	24.920.178.310	27.176.398.910
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.313.655.558	18.856.934.555
11. Thu nhập khác	31	4.26	2.763.991.270	3.403.006.292
12. Chi phí khác	32		358.088.688	1.866.553.703
13. Lợi nhuận khác	40		2.405.902.582	1.536.452.589
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.719.558.140	20.393.387.144
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	6.943.911.628	4.303.849.018
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.775.646.512	16.089.538.126




Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Cúc
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.719.558.140	20.393.387.144
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.187.304.643	8.835.221.547
Các khoản dự phòng	03		1.853.867.774	(10.070.803.294)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.213.157.970)	(4.100.078.422)
Chi phí lãi vay	06		1.734.688.102	163.535.159
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		40.282.260.688	15.221.262.134
3. trước những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.692.727.042)	4.629.175.365
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.939.453.252	11.628.696.643
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(21.099.933.226)	(20.562.610.444)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(29.299.865.906)	(9.490.592.001)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.734.688.102)	(91.578.140)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(4.009.989.544)	(3.457.661.115)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.921.709.091)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.537.198.971)	(2.123.307.558)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và				
1. các tài sản dài hạn khác	21		(3.546.562.333)	3.328.229.536
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và				
2. các tài sản dài hạn khác	22		297.972.687	369.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ				
3. của các đơn vị khác	23		(56.500.000.000)	(56.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		23.500.000.000	34.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.483.610.015	3.730.987.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.764.979.631)	(4.571.692.042)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.29	183.833.995.614	41.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.30	(145.840.173.166)	(33.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.993.822.448	8.850.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(7.308.356.154)	2.155.000.400
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.370.768.240	2.465.715.184
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	3.062.412.086	4.620.715.584




Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Cúc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010.

Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp sẽ được chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 445 (11 tháng 10 năm 2016 là 450).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất Công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;
- Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và dịch vụ tư vấn xây dựng;
- Sản xuất phụ tùng cơ khí và sửa chữa phương tiện thủy, bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa;
- Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa từ ngày 11/11/2016 đến ngày 31/12/2017.

2.3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Tiền mặt	697.387.096	4.250.836.976
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.365.024.990	6.119.931.264
Cộng	3.062.412.086	10.370.768.240

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 - 13 tháng với lãi suất trung bình từ 6,5%/năm đến 7,9%/ năm.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sa Đéc, được dùng để đảm bảo cho khoản vay thấu chi có hạn mức là 14.500.000.000 VND, theo hợp đồng số 01.02/2016/543444/SDBS ngày 22 tháng 03 năm 2017 – Xem thêm mục 4.19, được chi tiết như sau:

Tài khoản	Lãi suất	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)
69610000082684	6,5%	13	22/03/2018	5.000.000.000
69610000027311	6,5%	12	05/12/2017	5.000.000.000
69610000072287	6,5%	12	27/12/2017	4.500.000.000
Cộng				14.500.000.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 11/11/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	11.100.017.122	-	11.100.017.122	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	564.821.849	-	564.821.849	-
Cộng	11.664.838.971	-	11.664.838.971	-

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng,
Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán
từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017
VND

Tại ngày 11/11/2016
VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Đầu tư vào đơn vị khác: Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-	1.192.413.670	(1.192.413.670)	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp, Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 để bàn giao sang Công ty cổ phần vào ngày 10 tháng 11 năm 2016 như sau:

	Giá trị đầu tư	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	9.180.500.000	11.100.017.122	1.919.517.122
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	2.717.000.000	564.821.849	(2.152.178.151)
Cộng	11.897.500.000	11.664.838.971	(232.661.029)

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu từ khách hàng	29.430.078.085	39.685.533.759
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 4.31	881.264.335	218.298.000
Cộng	30.311.342.420	39.903.831.759
Dài hạn:		
Ban QLDA TP Cao Lãnh - Đồng Tháp	4.630.214.000	-

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Đạt - TPHCM	2.300.840.000	-
Chi cục Thuế Thị xã Hồng Ngự - Đồng Tháp	1.557.898.000	-
Ông Hồ Quang Chiêu	1.195.000.000	485.000.000
Ông Bùi hoàng Tân	1.029.377.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.030.294.176	2.689.771.257
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	1.750.000.000	4.227.047.449
Cộng	10.863.409.176	7.401.818.706

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 11/11/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.253.627.813	-	-	-
Phải thu về cổ tức – Xem thêm mục 4.31	3.101.600.000	-	4.500.000.000	-
Tạm ứng	1.198.595.755	-	1.931.401.975	-
Phải thu ngắn hạn khác	62.126.853.315	-	42.412.920.438	-
Cộng	68.680.676.883	-	48.844.322.413	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.190.544.491	-	1.812.146.841	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
BQLDA cụm Công nghiệp Trường Xuân	54.812.977.042	35.592.213.134
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	6.746.714.150	4.098.044.444
BQLDA KCN Trần Quốc Toản	-	586.339.700
Bà Lê Thị Thanh Nga	448.006.941	294.272.291
Khác	119.155.182	1.842.050.869
Cộng	<u>62.126.853.315</u>	<u>42.412.920.438</u>

Khoản phải thu khác từ Ban quản lý dự án cụm Công nghiệp Trường Xuân với số tiền là 54.812.977.042 VND là chi phí thực tế tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 mà Công ty đã bỏ ra để xây dựng cơ sở hạ tầng ở Khu công nghiệp Trường Xuân theo chỉ đạo từ Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty vẫn chưa nhận được chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sẽ thanh toán lại chi phí thực hiện dự án cho Công ty hay bàn giao Dự án này cho Công ty, do đó, Công ty ghi nhận chi phí đầu tư dự án Cụm Công nghiệp Trường Xuân là khoản phải thu từ Ban Quản lý dự án Khu Công nghiệp Trường Xuân và sẽ xử lý hoạch toán khi nhận được quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về vấn đề này.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 11/11/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.674.329.123	-	12.943.490.625	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.471.382.314	-	12.025.694.511	-
Thành phẩm	4.171.941.448	(34.230.247)	3.905.057.196	-
Hàng hóa	44.362.378.838	-	63.745.242.643	-
Cộng	<u>73.680.031.723</u>	<u>(34.230.247)</u>	<u>92.619.484.975</u>	<u>-</u>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng,
Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán
từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tãng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Khoản mục						
Nguyên giá:						
Tại ngày 11/11/2016	25.024.919.030	207.194.028.056	39.281.084.004	650.622.997	523.554.804	272.674.208.891
Mua trong kỳ	-	907.465.273	1.680.946.982	-	-	2.588.412.255
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	521.933.066	-	-	-	521.933.066
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.200.000.000)	-	-	(1.200.000.000)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	(2.500.000)	-	(2.500.000)
Tại ngày 30/06/2017	25.024.919.030	208.623.426.395	39.762.030.986	648.122.997	523.554.804	274.582.054.212
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 11/11/2016	11.026.139.513	118.793.446.053	24.586.735.776	462.080.125	45.768.590	154.914.170.057
Khấu hao trong kỳ	741.944.317	8.579.414.520	1.509.501.019	24.460.233	22.396.870	10.877.716.959
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(984.000.000)	-	-	(984.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.208.340)	-	(2.208.340)
Tại ngày 30/06/2017	11.768.083.830	127.372.860.573	25.112.236.795	484.332.018	68.165.460	164.805.678.676
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 11/11/2016	13.998.779.517	88.400.582.003	14.694.348.228	188.542.872	477.786.214	117.760.038.834
Tại ngày 30/06/2017	13.256.835.200	81.250.565.822	14.649.794.191	163.790.979	455.389.344	109.776.375.536

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 11/11/2016	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Tại ngày 30/06/2017	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 11/11/2016	-	76.000.000	2.284.233.362	2.360.233.362
Khấu hao trong kỳ	-	-	30.500.568	30.500.568
Tại ngày 30/06/2017	-	76.000.000	2.314.733.930	2.390.733.930
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 11/11/2016	2.397.616.725	-	228.754.243	2.626.370.968
Tại ngày 30/06/2017	2.397.616.725	-	198.253.675	2.595.870.400

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Công ty thuê lại từ Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01/01/2017.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Hệ thống chiếu sáng KCN Trần Quốc Toàn	591.730.609	-
Nhánh rẽ trung thể Công trình nhà máy xử lý nước thải	183.027.273	-
Vĩa hè cây xanh KCN Trần Quốc Toàn	66.045.455	-
Mua sắm máy tiện mâm cần cẩu	-	404.586.325
Cộng	840.803.337	404.586.325

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản	30.882.900.612	-
Tiền cấp phép khai thác khoáng sản	4.160.875.444	6.269.318.392
Tiền thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	556.002.000	698.153.971
Các khoản khác	87.446.421	61.397.909
Cộng	35.687.224.477	7.028.870.272

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 11/11/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Cty TNHH TM XD An Thái Huy - Đồng Tháp	1.736.515.300	1.736.515.300	-	-
DNTN Hữu Tâm - Đồng Tháp	1.542.270.650	1.542.270.650	1.391.124.000	1.391.124.000
Cty TNHH MTV Ngô Phú Cường - Đồng Tháp	1.213.049.928	1.213.049.928	227.828.786	227.828.786
Cty TNHH MTV San Lập Đồng Tháp 689	-	-	6.310.684.350	6.310.684.350
Phải trả cho các đối tượng khác	4.056.323.133	4.056.323.133	3.296.361.623	3.296.361.623
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	3.008.106.812	3.008.106.812	1.673.491.453	1.673.491.453
Cộng	11.556.265.823	11.556.265.823	12.899.490.212	12.899.490.212

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Cty TNHH liên doanh Nghị Phong - Đồng Tháp	7.999.930.124	7.999.855.540
Trung tâm phát triển Quỹ Đất Huyện Cao Lãnh	3.425.011.000	3.501.160.000
Cục Cảnh sát Giao thông - Bộ Công an	3.206.166.400	3.206.166.400
Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp	3.178.000.000	-
Ban QLDA XDCT GT- Đồng Tháp	-	5.082.368.000
Các khách hàng khác	12.128.362.800	8.947.598.096
Cộng	29.937.470.324	28.737.148.036

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng,
Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán
từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

Tại ngày 30/06/2017

VND

	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.782.169.594	11.170.323.547	7.014.680.672	(373.473.281)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.798.907.010	6.943.911.628	4.009.989.544	-	864.984.926
Thuế thu nhập cá nhân	-	125.913.697	1.603.666.662	1.676.591.306	-	198.838.341
Thuế tài nguyên	-	5.843.686.346	17.652.322.250	15.123.137.904	-	3.314.502.000
Phí môi trường	-	2.868.711.064	21.875.759.596	24.753.538.000	-	5.746.489.468
Thuế thu nhập từ Chuyển nhượng BĐS	-	116.814.650	918.299.880	801.485.230	-	-
Tiền thuê đất	-	-	37.553.845.815	40.072.353.143	-	2.518.507.328
Tiền cấp quyền khai thác	-	-	1.965.090.505	1.995.965.505	-	30.875.000
Thuế khác	-	-	334.824.983	8.357.288.873	-	8.022.463.890
Thuế môn bài	-	-	14.000.000	14.000.000	-	-
Thuế đất	-	-	4.287.792	4.287.792	-	-
Cộng	-	16.536.202.361	100.036.332.658	103.823.317.969	(373.473.281)	20.696.660.953

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Trích trước chi phí cho thuê KCN Trần Quốc Toản đã xác định doanh thu trong năm 2009, tương ứng với doanh thu từ năm 2015 đến năm 2036: 22 năm)	-	5.230.099.152
Trích trước chi phí thuê mặt bằng Cửa hàng Sa Đéc và cửa hàng Cao Lãnh	274.996.000	32.195.253
Trích trước chi phí hoa hồng bán sản phẩm bê tông	-	93.292.102
Cộng	274.996.000	5.355.586.507

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
BQL Khu Kinh Tế - Đồng Tháp	6.763.830.043	6.763.830.043
Nhận ký quỹ, ký cược	2.182.807.150	-
Kinh phí công đoàn	168.162.519	44.863.889
Phải trả, phải nộp khác	1.839.160	262.436.076
Phải trả về cổ phần hóa	5.606.909	6.887.076.026
Cộng	9.122.245.781	13.958.206.034

4.18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản tiền khách hàng trả trước 01 lần cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toản trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng,
Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán
từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/202017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 11/11/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Sa Đéc	10.500.000.000	10.500.000.000	143.833.995.614	145.840.173.166	12.506.177.552	12.506.177.552
Vay dài hạn đến hạn trả	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Cộng	15.500.000.000	15.500.000.000	148.833.995.614	145.840.173.166	12.506.177.552	12.506.177.552
Dài hạn:						
Quý Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-
Nợ thuê tài chính	25.959.244.055	25.959.244.055	25.959.244.055	-	-	-
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	-	-	-
Cộng	60.959.244.055	60.959.244.055	60.959.244.055	-	-	-
Tổng cộng	76.459.244.055	76.459.244.055	209.793.239.669	145.840.173.166	12.506.177.552	12.506.177.552

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng,
Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán
từ ngày 11/11/2016 đến ngày 30/06/202017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc là khoản vay thấu chi theo hợp đồng tín dụng số 02/2016 ngày 03 tháng 11 năm 2016 và hợp đồng sửa đổi số 01.02/2016/543444/SDBS, ngày 22 tháng 03 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 03/11/2016 đến ngày 02/11/2017 với hạn mức là 14.500.000.000 VND; nhằm thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên. Khoản vay được đảm bảo bằng 03 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc - Xem thêm mục 4.2.

Vay dài hạn Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐUV-QPTĐ ngày 02 tháng 06 năm 2017 có thời gian hoàn vốn trong vòng 55 tháng kể từ ứng vốn lần đầu vào ngày 02 tháng 06 năm 2017, với số tiền vay là 40.000.000.000 VND, lãi suất 0%; nhằm thực hiện đầu tư san lấp mặt bằng khu 2 thuộc cụm Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Trường Xuân theo Công văn số 157/UBND-ĐTĐD ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nợ thuế tài chính là khoản thuế hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Công ty thuế lại từ Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, và phụ lục Hợp đồng theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, điều chỉnh giá thuế theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01/01/2017.

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

**Tại ngày 30/06/2017
VND**

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	648.981.102	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	3.244.905.510	-	3.244.905.510	-	-	-
Trên 5 năm	22.065.357.443	-	22.065.357.443	-	-	-
Cộng	25.959.244.055	-	25.959.244.055	-	-	-

**Tại ngày 11/11/2016
VND**

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 11/11/2016	386.000.000.000	-	-	386.000.000.000
Lãi trong giai đoạn từ 11/11/2016 đến 30/06/2017	-	-	27.775.646.512	27.775.646.512
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	5.410.861.785	(5.410.861.785)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.161.422.084)	(4.161.422.084)
Tại ngày 30/06/2017	386.000.000.000	5.410.861.785	18.203.362.643	409.614.224.428

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp	356.999.000.000	356.999.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29.001.000.000	29.001.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp".

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 11/11/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.600.000	38.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 11/11/2016	-
Trích trong kỳ	5.410.861.785
Tại ngày 30/06/2017	5.410.861.785

4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Doanh thu thành phẩm	195.940.405.779	132.993.147.413
Doanh thu hàng hóa	27.191.057.318	38.881.485.812
Doanh thu bất động sản đầu tư	27.810.527.816	36.884.056.363
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.619.729.158	2.762.340.728
Cộng	253.561.720.071	211.521.030.316
Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	1.598.911.527	791.944.400
Tổng cộng	255.160.631.598	212.312.974.716

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	136.333.866.706	99.538.930.122
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.487.528.236	30.143.446.918
Giá vốn bất động sản đầu tư	20.593.352.569	25.511.282.658
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.835.859.067	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	34.230.247	-
Cộng	189.284.836.825	155.193.659.698

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.150.702.236	3.730.681.829
Cổ tức được chia	1.101.600.000	-
Lãi tiền gửi thanh toán	518.055.839	76.672.351
Lãi tiền ký quỹ Bảo vệ Môi trường	63.568.117	45.943.960
Doanh thu hoạt động tài chính khác	361.118.868	-
Cộng	9.195.045.060	3.853.298.140

4.24. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.849.890.411	3.308.938.673
Chi phí nhân viên	3.964.298.780	4.461.562.909
Chi phí nhiên liệu	3.333.375.036	2.566.769.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.164.411.581	4.224.611.513
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	129.043.667	-
Chi phí bằng tiền khác	616.051.116	715.272.567
Cộng	16.057.070.591	15.277.154.955

4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.083.946.749	18.194.776.292
Chi phí vật liệu quản lý	126.367.911	145.460.035
Chi phí đồ dùng văn phòng	921.966.685	101.270.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	686.547.275	692.953.687
Thuế, phí và lệ phí	425.482.755	338.417.736
Chi phí dự phòng	1.819.637.526	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	724.193.476	1.132.572.846
Chi phí bằng tiền khác	7.132.035.933	6.570.947.404
Cộng	24.920.178.310	27.176.398.910

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xử lý kiểm kê phát hiện thừa	2.089.415.406	1.993.206.760
Bán phế liệu	535.910.880	1.207.090.009
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	81.972.687	172.727.273
Thu tiền điện thoại vượt	29.786.019	18.894.226
Khác	26.906.278	11.088.024
Cộng	2.763.991.270	3.403.006.292

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.410.171.337	39.182.271.854
Chi phí nhân công	41.320.595.774	36.721.775.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.187.304.643	8.835.221.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.549.594.951	27.519.374.247
Chi phí khác bằng tiền	41.885.567.622	25.609.031.554
Chi phí dự phòng	1.853.867.773	-
Cộng	175.207.102.100	137.867.674.515

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	34.719.558.140	20.393.387.144
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.125.857.946
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	34.719.558.140	21.519.245.090
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ	6.943.911.628	4.303.849.018

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	183.833.995.614	41.900.000.000

4.30. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(145.840.173.166)	(33.050.000.000)

4.31. Thông tin về các bên có liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Công ty con
2. Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	Công ty con
3. Công ty TNHH Bóng đá Đồng Tháp	Công ty liên kết
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 11/11/2016 VND</u>
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3: Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	881.264.335	218.298.000
	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 11/11/2016 VND</u>
Ứng trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4: Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.750.000.000	4.227.047.449
	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 11/11/2016 VND</u>
Phải thu khác ngắn hạn: Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	2.000.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.101.600.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.5	<u>3.101.600.000</u>	<u>4.500.000.000</u>

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 11/11/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12: Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	(3.008.106.812)	(1.673.491.453)
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.21: Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.598.911.527	791.944.400
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và dịch vụ cung cấp: Công ty CP Tư vấn thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp	2.705.696.364	156.031.819
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	24.768.885.740	26.786.617.425
Cộng	20.986.062.466	16.565.091.125
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia: Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	1.101.600.000	-
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	2.142.930.773	2.636.179.000
4.32. Thu nhập Ban kiểm soát		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	399.954.700	398.409.000

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.33. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 30 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.985.880.179	1.783.113.548

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 11/11/2016 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.942.927.015	2.330.863.066
Trên 1 năm đến 5 năm	8.986.651.743	8.490.315.330
Trên 5 năm	49.317.901.477	50.529.573.077
Cộng	<u>61.247.480.235</u>	<u>61.350.751.473</u>

4.34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 10 tháng 11 năm 2016 và Biên Bản Bàn Giao "Vốn và tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lập và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp" tại ngày 10 tháng 11 năm 2016.


Số liệu trên Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 11/11/2015 đến ngày 30/06/2016.


4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08
năm 2017


Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Cúc
Người lập